

Bản tin chứng khoán

Trong số này

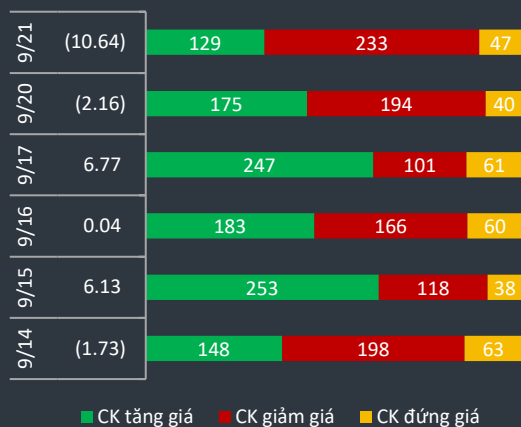
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	87.07
VNM	74.37
HSG	35.79
KBC	34.50
VHC	30.72
NKG	21.36
MBB	(33.11)
NLG	(33.95)
DGC	(53.61)
E1FVN30	(56.80)
STB	(70.58)
VIC	(92.81)
HPG	(97.15)
FUEVFN30	(162.35)

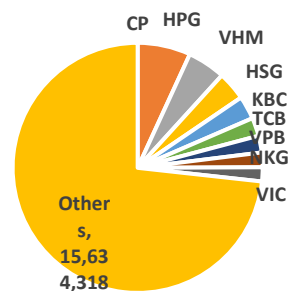
Thị trường trong ngày có phiên chao đảo mạnh sau khi chứng khoán toàn cầu gặp cú sốc từ tập đoàn Evergrande của Trung Quốc. Dưới làn sóng bán tháo từ Mỹ lan đến Châu Âu và cả Châu Á hôm nay, thị trường VN không thể thoát khỏi ảnh hưởng và ngay lập tức rơi hơn 20 điểm ngay từ lúc mở cửa. Sức cung dĩ nhiên là lớn nhưng không đến nỗi quá ồ ạt, ngược lại thị trường vẫn có vài cổ phiếu đi ngược thị trường như DGC, BMC, CSV, MWG. Ngoài ra lực cầu bên dưới vẫn khá chắc chắn và tranh thủ gom cổ phiếu vì vậy chỉ số Index chỉ nhún sâu lắm dưới 20 điểm một chút sau đó giữ khá ổn định 1,330.

Tâm lý nhà đầu tư ổn dần từ phiên chiều và lực mua bắt đầu trở nên chiếm ưu thế. Từ mức thấp nhất giảm gần 25 điểm, chỉ số Vnindex giảm co mạnh cho đến khi đóng cửa và chỉ còn giảm khoảng 10 điểm. Nhiều nhóm ngành như bảo hiểm, khoáng sản, bán lẻ, thép dần hồi phục và thậm chí một số cổ phiếu đảo chiều tăng mạnh. Tuy nhiên nhóm ngành chủ lực của thị trường là ngân hàng vẫn bị đè khá nặng và chỉ có khoảng 3 mã xanh OCB, VIB. Giao dịch của nhóm ngân hàng vẫn ở mức khá hôm nay nhưng lực cầu yếu vì vậy không đủ sức kéo các mã cổ phiếu. Mức độ rơi của nhóm bank lớn chỉ trong biên độ dưới 1% như CTG, ACB, VPB, BID, VCB nhưng vì hầu hết cổ phiếu trong ngành đều giảm nên tác động khá lớn đến chỉ số Index. OCB trong ngày giữ mức giá xanh rất ổn định ngay từ đầu phiên và đóng cửa ở 24.3 – tăng 2.5. Thanh khoản OCB tiếp tục ở mức cao trên 5.2 triệu cổ phiếu trong đó hầu hết là giao dịch từ nhà đầu tư trong nước.

Hai cổ phiếu khu công nghiệp ấn tượng nhất trong ngày là ITA và KBC. Trong khi KBC hồi phục nhẹ thì ITA tiếp tục có phiên tăng mạnh thứ hai gần 4% lên 7.9. Ngoài hai mã này những cổ phiếu KCN khác vẫn điều chỉnh nhẹ trong ngày. Nhóm ngành thép có đại diện NKG phục hồi tốt từ giá đỏ chuyển sang xanh 4.5%, cùng với HSG, TLH. Nhóm ngành đảo chiều mạnh nhất trong ngày là khoáng sản với hàng loạt mã từ đỏ chuyển sang xanh mạnh như NBC, TDN, TVD, KSB ...

Vnindex 1,339.84

▼ -10.64 (-0.79%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BVH	55.7	1,800	3.34
VIB	39.5	1,000	2.60
MWG	123.8	800	0.65
REE	66.0	400	0.61
MSN	143.5	500	0.35
VNM	88.8	100	0.11
DHG	101.0	-	-
NVL	103.0	-	-
SAB	158.0	(300)	(0.19)
TPB	40.0	(100)	(0.25)
VJC	123.5	(700)	(0.56)
HDB	25.6	(150)	(0.58)
TCB	50.4	(300)	(0.59)
BID	39.7	(250)	(0.63)
GAS	88.2	(600)	(0.68)
PLX	49.6	(400)	(0.80)
POW	11.7	(100)	(0.85)
MBB	28.0	(250)	(0.88)
VPB	66.9	(600)	(0.89)
ACB	31.8	(300)	(0.93)
FPT	93.5	(900)	(0.95)
HPG	50.8	(500)	(0.97)
PNJ	90.1	(900)	(0.99)
CTG	31.5	(350)	(1.10)
STB	26.8	(300)	(1.11)
VIC	85.6	(1,100)	(1.27)
PDR	81.6	(1,300)	(1.57)
VCB	98.0	(1,600)	(1.61)
SSI	42.1	(700)	(1.64)
GVR	36.4	(1,000)	(2.67)
HVN	25.4	(750)	(2.87)
VHM	77.5	(2,400)	(3.00)
VRE	28.4	(900)	(3.07)
BCM	45.2	(1,500)	(3.21)

Chỉ số Vnindex đóng cửa lùi về 1339 trong đó số mã giảm trong ngày khá áp đảo với 275 mã giảm so với 136 mã xanh. Con bão Evergrande có thể không kéo dài quá lâu lên thị trường quốc tế và vì vậy thị trường VN cũng sẽ sớm hồi phục trong vài phiên tới. Các nhịp giảm như hôm nay vẫn là cơ hội khá tốt để tích lũy cổ phiếu giá rẻ đặc biệt là nhóm cổ phiếu thép, bán lẻ, phân đạm, chứng khoán và một số cổ phiếu ngân hàng như OCB, TPB, VPB. Cổ phiếu ưu tiên nắm giữ:

Thép: HPG, HSG, NKG

Phân đạm: DCM, DPM

Bán lẻ: DGW, FRT, MWG

Ngân hàng: OCB, TPB, VPB, MBB

Các ngành khác: DGC, GVR, FPT, SZC, VCI, DPR

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DPR	67.4	(5.1)	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	0.0%
REE	66.0	1.7	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	29.4%
GVR	36.4	(4.2)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	23.8%
HCM	52.9	2.7	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 52-53	7/12/2021	17.6%
VCI	63.7	1.8	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 62	7/12/2021	30.0%
SSI	42.1	(0.9)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	27.6%
MBB	28.0	1.4	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-3.4%
OCB	24.4	8.9	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	6.1%
HPG	50.8	1.0	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	12.9%
STB	26.8	0.6	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-4.3%
KBC	42.5	2.4	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	9.0%
DGW	117.2	0.4	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	134.4%
MWG	123.8	(0.6)	130	190	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 120	2/3/2021	45.6%

IDC Tổng công ty IDICO - Khả quan

Price: 48,600

Điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận lên 1032 tỷ đồng

Dự kiến chuyển sàn HOSE

Giá mục tiêu	60,000 (+24%)
Lợi nhuận 2021F	1,100 tỷ
EPS forecast	3,667
PE forecast	13.3
Ngưỡng hỗ trợ	40,000
Ngưỡng kháng cự	65,000

Idico (IDC) vừa công bố tài liệu họp ĐHCĐ bất thường 2021, dự kiến điều chỉnh tăng kế hoạch kinh doanh năm 2021. Công ty dự kiến tăng chỉ tiêu doanh thu từ 996 tỷ đồng lên 1.711 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 117% lên 1.032 tỷ đồng. Nguyên nhân theo IDC, theo kế hoạch Công ty sẽ thoái vốn tại Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ và các khoản đầu tư tài chính. Nhờ các khoản thoái vốn tài chính và tái cấu trúc các công ty con dự kiến mang lại lợi nhuận vượt kế hoạch trên 450 tỷ đồng.

Công ty cũng trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 gồm 30% bằng tiền mặt (900 tỷ đồng) và 10% cổ phiếu (300 tỷ đồng). Thời gian thanh toán cổ tức do HĐQT quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh và dòng tiền Công ty. Trong quá khứ IDC cũng đã vài lần điều chỉnh kế hoạch kinh doanh và thường là công ty hoàn thành kế hoạch.

Đặc biệt, IDC còn dự trình kế hoạch chuyển niêm yết cổ phiếu IDC từ HNX sang niêm yết HoSE.

Vừa qua một công ty liên quan đến CEO của IDC là công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt thông báo đăng ký mua thêm 19,5 triệu cổ phiếu IDC của Tổng công ty Idico – Trước giao dịch Thương mại Bách Việt đang sở hữu gần 14,47 triệu cổ phiếu IDC (tỷ lệ 4,82%.

IDC	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	6T.2021
Doanh thu	3,972	4,609	4,426	4,921	5,119	4,929	4,542	2,309
Lợi nhuận	170	203	391	335	349	477	304	285
Lợi Nhuận Gộp	405	494	505	821	914	838	775	366
Chi phí lãi vay	(87)	(92)	(120)	(190)	(240)	(202)	(232)	(88)
KLCP DLH (triệu CP)	49	49	49	49	300	300	300	300
VCSH	2,833	3,247	3,526	3,798	4,184	4,233	4,389	4,624
Tổng Tài Sản	13,353	13,534	12,774	14,361	13,865	14,316	14,623	15,418
Vay Ngắn Hạn	477	567	404	428	505	440	588	525
Vay Dài Hạn	4,891	4,680	2,382	csv	2,377	2,204	2,166	2,173
Tổng Nợ vay	5,369	5,248	2,787		2,882	2,644	2,754	2,698
Book Value	57,853	66,305	72,003	77,575	13,945	14,109	14,631	15,412
EPS	3,465	4,149	7,986	6,839	1,165	1,590	1,015	1,683



HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

HDC	6.89
LCM	6.90
HVX	6.90
CSV	6.90
QBS	6.91
OGC	6.91
MCG	6.95
FTM	6.95
TGG	6.96
JVC	6.97
SHA	7.00
TIE	14.00
PXT	14.00

Top tăng giá HNX

NBC	9.61
BTS	9.62
MBG	9.68
VKC	9.72
DL1	9.80
NSH	9.83
THT	9.84
DIH	9.88
V21	9.90
PCT	10.00
TC6	10.00
TTH	10.00
VE9	13.79

IDC - Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần - Điều chỉnh tăng chỉ tiêu doanh thu từ 996 tỷ đồng lên 1.711 tỷ đồng; tương ứng lợi nhuận sau thuế tăng 117% lên 1.032 tỷ đồng.

Đặc biệt, IDC còn trình kế hoạch chuyển niêm yết cổ phiếu IDC từ HNX sang niêm yết HoSE, điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh, miễn nhiệm thành viên HĐQT với ông Vũ Quang Bảo và bầu thay thế.

IMP – CTCP Dược phẩm Imexpharm - Bị ảnh hưởng nghiêm trọng do lệnh giãn cách, doanh thu tháng 8/2021 giảm 12% xuống còn 94 tỷ đồng. Khấu trừ chi phí, lợi nhuận trước thuế đạt 17,2 tỷ đồng, giảm 14,4% so với cùng kỳ.

Lũy kế 8 tháng, doanh thu thuần và thu nhập đạt 793,9 tỷ đồng tăng 0,9% so với cùng kỳ và bằng 51,9% kế hoạch năm. Tuy nhiên, doanh thu thuần chỉ đạt 779,3 tỷ đồng, giảm 0,2% so với 8 tháng đầu năm 2020. Lợi nhuận cũng giảm 0,1% và bằng xấp xỉ 50% kế hoạch năm.

TGG - CTCP Louis Capital - Ngày 20/9, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc thoái toàn bộ vốn đầu tư với 8 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Đầu tư Phát triển 299, tương ứng tỷ lệ 40%. Cùng với đó, TGG cũng thoái toàn bộ 175.000 cổ phần sở hữu tại CTCP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia, tỷ lệ 4,8%.

NT2 - CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch - Ngày 29/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 30/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/10/2021.

DBC - CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam - Ngày 29/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 30/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 23/11/2021.

SVT - CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông - Ngày 01/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 04/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 19/10/2021.

NET - CTCP Bột giặt NET - Ngày 30/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 01/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 60%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/10/2021.

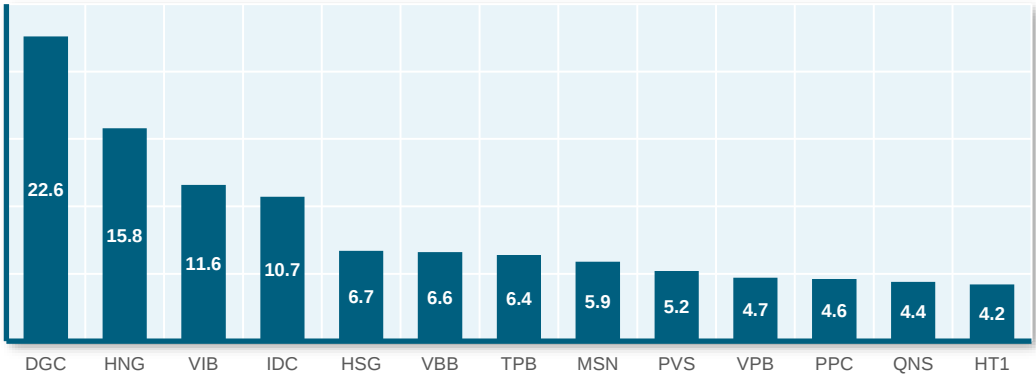


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	66.9	6,883,800	13.2	2.7	-	1,000	165,226	19.01	5,056	24,447
VIB	HOSE	39.5	3,518,600	7.0	2.9	4,400	-	61,349	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	98.0	862,000	17.7	3.5	304,600	221,000	363,470	23.53	5,532	28,293
VBB	HNX	17.7	23,079	21.3	1.5	-	-	8,455	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.5	414,064	14.6	1.3	-	-	7,787	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	40.0	6,615,400	8.8	2.1	6,100	-	46,867	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	50.4	10,058,100	10.9	2.1	331,900	331,900	176,647	22.49	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.8	14,211,800	13.9	1.6	408,400	2,913,100	50,524	15.78	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.7	1,626,800	20.7	2.9	-	-	47,927	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.5	16,902,251	12.1	1.9	5,582	24,113	51,027	3.96	2,183	14,014
SGB	HNX	19.0	116,823	-	1.6	-	-	5,852	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	24.1	197,393	32.6	1.8	-	100	7,230	15.00	739	13,529
OCB	HNX	24.4	5,205,000	6.4	1.4	3,600	16,200	33,357	21.95	3,799	17,827
NVB	HOSE	30.5	282,900	148.8	2.8	-	2,300	12,408	8.53	205	10,726
NAB	HOSE	20.6	260,911	6.1	1.3	500	-	9,403	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	28.7	3,332,800	8.7	1.6	-	-	33,723	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.0	9,451,000	7.2	1.4	992,600	2,064,400	105,793	22.72	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.9	5,310,000	8.8	1.6	1,200	120,200	27,502	3.60	2,591	14,466
KLB	HOSE	22.7	277,800	11.2	1.6	-	-	7,262	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.6	1,870,000	6.6	1.5	62,600	28,400	50,901	18.10	3,854	17,399
EIB	HOSE	24.8	671,500	28.4	1.8	-	3,100	30,428	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	31.5	8,136,200	7.2	1.3	29,800	26,400	151,381	24.61	4,394	25,028
BVB	HOSE	20.8	2,703,828	18.0	1.6	10,000	-	7,635	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	39.7	1,524,100	15.8	1.9	3,200	15,600	159,473	16.63	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.5	40,058	23.7	1.8	-	-	15,941	-	950	12,242
ACB	HOSE	31.8	3,882,100	6.9	2.1	-	-	85,922	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.0	2,124,766	7.5	1.3	-	-	11,998	30.00	2,801	16,671
			106,503,073	18.63	1.88	2,164,482	5,767,813	1,735,487		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	42,100	13,917,102	36,762,007	2,647.4	15.9	2.38	17,724
VCI	UPCOM	63,700	5,728,905	21,212,100	3,445.7	18.5	2.15	29,655
HCM	HNX	52,900	5,807,575	16,136,714	3,099.8	17.1	3.39	15,612
VND	UPCOM	52,900	9,606,295	22,695,624	6,320.1	8.4	2.53	20,939
SHS	UPCOM	38,700	6,542,224	8,021,279	5,431.3	7.1	2.16	17,951
MBS	UPCOM	33,900	3,290,619	9,071,672	1,470.3	23.1	2.58	13,147
FTS	HOSE	64,500	788,348	9,517,766	3,583.0	18.0	3.63	17,751
VIX	HNX	18,600	4,412,780	2,375,573	5,549.5	3.4	1.15	16,190
AGR	HOSE	16,700	3,225,802	3,516,479	1,000.6	16.7	1.71	9,775
BSI	UPCOM	27,500	1,450,911	3,337,115	2,231.6	12.3	2.16	12,711
ORS	HNX	26,600	1,762,397	5,320,000	1,944.6	13.7	2.52	10,574
VDS	HOSE	34,100	1,138,777	3,584,069	3,856.6	8.8	2.65	12,884
CTS	HOSE	28,000	1,779,621	2,979,189	2,676.3	10.5	2.02	13,885
TVS	HOSE	37,200	136,380	3,654,348	5,036.9	7.4	2.50	14,852
BVS	UPCOM	32,700	923,177	2,360,945	3,242.7	10.1	1.22	26,909
EVS	HOSE	33,000	355,563	2,079,013	3,859.6	8.6	2.33	14,167
SBS	HOSE	15,400	4,024,359	1,950,564	79.4	194.0	9.37	1,643
PHS	HOSE	18,300	1,551	2,561,991	979.4	18.7	1.62	11,291
TVB	HOSE	23,000	1,349,264	2,454,456	2,793.8	8.2	1.98	11,645
ART	HNX	10,100	3,912,515	978,917	31.6	319.5	0.88	11,459
TCI	UPCOM	20,100	452,080	994,950	2,671.6	7.5	1.64	12,235
IVS	UPCOM	12,500	140,668	866,875	411.7	30.4	1.27	9,862
BMS	UPCOM	24,800	387,812	1,413,600	4,097.6	6.1	1.91	12,977
APS	HOSE	20,700	2,443,562	807,300	2,387.2	8.7	1.86	11,126
PSI	UPCOM	14,000	418,380	837,778	300.3	46.6	1.33	10,519



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SGN	HOSE	8/10/2021	11/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	GKM	HNX	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
4	BPC	HNX	5/10/2021	6/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CLL	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	HLD	HNX	30/09/2021	1/10/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	ABS	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	CNG	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	TVH	UPCoM	24/09/2021	27/09/2021	27/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,434 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	DQC	HOSE	24/09/2021	27/09/2021	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TMP	HOSE	23/09/2021	24/09/2021	5/10/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 1,230 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	CAT	UPCoM	23/09/2021	24/09/2021	12/10/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	TMS	HOSE	23/09/2021	24/09/2021	8/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	TMS	HOSE	23/09/2021	24/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	KTC	UPCoM	23/09/2021	24/09/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	SBV	HOSE	23/09/2021	24/09/2021	22/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	POS	UPCoM	23/09/2021	24/09/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BCF	HNX	23/09/2021	24/09/2021	8/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	CTD	HOSE	22/09/2021	23/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	ARM	HNX	21/09/2021	22/09/2021	22/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	NAG	HNX	21/09/2021	22/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	LHC	HNX	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	LBM	HOSE	21/09/2021	22/09/2021	8/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	ALT	HNX	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	STP	HNX	21/09/2021	22/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VCG	HOSE	21/09/2021	22/09/2021	22/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931